

Bản án số: **183/2025/HC-ST**

Ngày: 23/5/2025

“V/v: Khiếu kiện yêu cầu hủy
Quyết định hành chính trong lĩnh
vực giải quyết chế độ chính sách
ưu đãi người có công cách
mạng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Bà Huỳnh Thị Ngọc Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thụy Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Bá Thu Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/4/2025 và 23/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ
lý số 404/2024/TLST-HC ngày 10/12/2024 về việc: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy
Quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết chế độ chính sách ưu đãi người
có công cách mạng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
1762/2025/QĐXXST-HC ngày 08/4/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số
5697/2025/QĐST - HC ngày 22/4/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên
tòa số 6462/2025/TB – THC ngày 12/5/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà **V.T.H1**, sinh năm 1982

Địa chỉ thường trú: Số 06/01 đường P, Phường M, thành phố L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đ.T.H2**, sinh năm 1956 (Theo Giấy ủy
quyền số công chứng số 164 ngày 18/02/2025 tại Văn phòng Công chứng
Nguyễn Anh Tăng, Phường T, thành phố L, tỉnh Đ)

Địa chỉ thường trú: Số 06, đường HT05, Tổ C, Khu Phố B, phường T,
Quận H, Thành phố M.

Địa chỉ liên hệ: Số 43 đường D, Khu Phố B, phường T, Quận H, Thành phố M.

2. *Người bị kiện:* **Giám đốc Sở Nội Vụ Thành phố M** (trước đây là Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M)

Địa chỉ trụ sở: Số 86 đường T, phường N, Quận M, Thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **P.K.T.H3**, chức vụ Phó giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà **Đ.T.T.N1** – Chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Người có công.

- Bà **T.T.K.N2** - Chức vụ Chuyên viên Phòng Người có công.

bà H3 có đơn xin vắng mặt; bà H2, bà N1, bà N2 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ *Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2023, bản tự khai ngày 14/4/2025, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện và người được ủy quyền bà Đ.T.H2 trình bày:*

Bà V.T.H1 là con ruột của ông V.N.H4, bà Đ.T.H2. Ông H4 tham gia kháng chiến chống Mỹ tại chiến trường ở tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (Trường Sơn) từ năm 1973 đến 1975, ông H4 bị nhiễm chất độc hóa học. Năm 1982, cha mẹ bà H1 sinh bà H1, vì cha bị nhiễm chất độc hóa học nên khi sinh ra bà H1 bị ảnh hưởng biểu hiện rối loạn tâm thần, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt. Năm 2011, gia đình làm hồ sơ để bà H1 hưởng chế độ con đẻ của người bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam. Qua khám kiểm tra thực tế của cơ quan y tế và các ban ngành liên quan tại địa phương, thì bà H1 bị: “rối loạn tâm thần, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt”. Ngày 10/12/2011, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M ban hành Quyết định số 3135/QĐ - LĐTBXH về trợ cấp hàng tháng đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học cho bà V.T.H1.

Tháng 5/2022, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành kiểm tra có mời bà H1 đến UBND Quận H làm việc và kết luận: bà H1 hơi bị méo miệng, ngoài ra không bị dị dạng, dị tật nào khác; tốt nghiệp trung cấp kế toán, có khả năng lao động, hiện đang ở nhà nội trợ; đã kết hôn và có 02 con. Và Thanh tra ban hành Kết luận số 163/KL-TTr ngày 30/6/2022 kèm theo danh sách 35 người không đủ điều kiện để hưởng chính sách ưu đãi, đề nghị dừng trợ cấp và thu hồi tiền trợ cấp - trong đó có bà H1.

Ngày 15/8/2022, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M ban hành Quyết định số 16/QĐ-SLĐTBXH về đình chỉ trợ cấp hàng tháng và thu hồi 106.453.000 đồng tiền trợ cấp cho bà H1 nhận từ ngày 01/12/2011 đến 31/8/2022.

Bà H1 cho rằng, khi làm hồ sơ để hưởng chế độ đã thực hiện đầy đủ đúng quy định pháp luật. Qua tiếp xúc, Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã

hội xác định bà không đủ điều kiện hưởng, dẫn đến thu hồi và đình chỉ trợ cấp là không đúng.

Bà khởi kiện, đề nghị Tòa xét xử hủy Quyết định số 16/QĐ-SLĐTBXH ngày 15/8/2022 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M về đình chỉ trợ cấp hàng tháng và thu hồi tiền trợ cấp đối với bà.

2/ Tại Văn bản số 5358/SLĐTBXH - NCC ngày 28/02/2025 người bị kiện Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố M (nguyên là Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M) trình bày:

Hồ sơ hưởng chế độ con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của bà V.T.H1 được xác lập theo Nghị định 54/2006/NĐ - CP ngày 26/5/2006 của Chính phủ; và đầy đủ thủ tục theo Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 sửa đổi, bổ sung mục VII Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công cách mạng. Trường hợp bà H1 là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, theo tại điểm b mục 1.1 mục 1 phần I của Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 thì bà H1 không phải thực hiện giám định sức khỏe, mà căn cứ vào tình trạng dị dạng, dị tật thực tế để xét trợ cấp. Căn cứ vào hồ sơ, ngày 10/12/2011 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M ban hành Quyết định số 3135/QĐ-LĐTBXH về trợ cấp hàng tháng đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học cho bà V.T.H1 là đúng quy định pháp luật.

Từ ngày 15/5/2022 đến ngày 18/6/2022, Đoàn Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành kiểm tra thực hiện chính sách ưu đãi người có công cách mạng tại địa bàn Thành phố M. Theo Kết luận số 163/KL-TTTr ngày 30/6/2022 của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có 35 trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn hưởng chế độ con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học với lý không bị dị dạng, dị tật hoặc bị dị tật nhẹ có khả năng lao động (cụ thể trường hợp bà H1: *miệng hơi méo; không bị dị dạng, dị tật nào khác; tốt nghiệp Trung cấp Kế Toán; có khả năng lao động - trước làm kế toán - hiện nay ở nhà nội trợ; đã kết hôn và có 02 con*). Thanh tra đề nghị Sở Lao động ban hành Quyết định chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi và thu hồi chế độ ưu đãi do đối tượng đã hưởng sai nộp Ngân sách nhà nước.

Ngày 15/8/2022, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M ban hành Quyết định số 16/QĐ-SLĐTBXH về đình chỉ trợ cấp hàng tháng và thu hồi 106.453.000 đồng tiền trợ cấp cho bà H1 nhận từ ngày

01/12/2011 đến 31/8/2022 để nộp Ngân sách Nhà nước. Đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của bà V.T.H1.

** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:* Thực hiện theo Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND Thành phố M về đề án tổng thể sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, cơ quan chuyên môn, đơn vị công lập thuộc UBND Thành phố M, thì một số phòng ban của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sáp nhập vào Sở Nội vụ (trong đó có Phòng Người có công). Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V.T.H1, năm 2011 Giám đốc Sở lao động ban hành Quyết định 3135/QĐ-SLĐTBXH cho bà H1 hưởng chế độ ưu đãi là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, thực hiện theo Kết luận số 163/KL-TTr ngày 30/6/2022 của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nên Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M (nay là Giám đốc Sở Nội vụ) ban hành Quyết định số 16/QĐ-SLĐTBXH về đình chỉ trợ cấp hàng tháng và thu hồi của bà H1. Đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của bà V.T.H1.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính 2015.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào hồ sơ, thủ tục để được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ của bà V.T.H1 lập năm 2011 là đúng pháp luật quy định tại phần I Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 sửa đổi, bổ sung mục VII Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công cách mạng. Văn bản số 5358/SLĐTBXH-NCC ngày 28/02/2025 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trả lời yêu cầu khởi kiện cũng khẳng định nội dung trên, vậy nên Quyết định số 16/QĐ-UBND truy thu số tiền 106.453.000 đồng tiền trợ cấp cho bà H1 nhận từ ngày 01/12/2011 đến 31/8/2022 là không có căn cứ. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V.T.H1, hủy phần thu hồi 106.453.000 đồng tiền trợ cấp cho bà V.T.H1 nhận từ ngày 01/12/2011 đến 31/8/2022 để nộp Ngân sách Nhà nước trong Quyết định số 16/QĐ-SLĐTBXH ngày 15/8/2022 của Giám đốc Sở Nội vụ (nguyên là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) Thành phố M. Các nội dung khác của Quyết định giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] . Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền xét xử*: Ngày 15/8/2022, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M ban hành Quyết định số 16/QĐ-SLĐTBXH về đình chỉ trợ cấp hàng tháng và thu hồi 106.453.000 đồng tiền trợ cấp cho bà V.T.H1 nhận từ ngày 01/12/2011 đến 31/8/2022 để nộp Ngân sách Nhà nước. Ngày 10/7/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn khởi kiện của bà V.T.H1 yêu cầu hủy Quyết định nêu trên.

Căn cứ quy định khoản 1 và 2 Điều 3, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 106 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực thực hiện chế độ chính sách ưu đãi người có công cách mạng*” là đúng pháp luật.

[1.2]. *Về tư cách tham gia tố tụng*: Theo Thông báo thụ lý vụ án số 404/TB-TLVA ngày 16/12/2024 xác định người bị kiện là Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M. Tháng 02/2025 thực hiện Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND Thành phố M về đề án tổng thể sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, cơ quan chuyên môn, đơn vị công lập thuộc UBND Thành phố M; Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND Thành phố M quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Thành phố M thì một số phòng, ban của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sáp nhập vào Sở Nội vụ (trong đó có Phòng Người có công), nên khi xét xử Tòa xác định lại người bị kiện là Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố M là đúng quy định.

[1.3]. *Về xét xử vắng mặt*: Người bị kiện có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Ông V.N.H4 (sinh năm 1955, chết năm 2012) tham gia kháng chiến chống Mỹ từ năm 1973 đến 1975 ở chiến trường Trường Sơn thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Theo Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND Quận H cấp Giấy chứng nhận ông H4 bị nhiễm chất độc hóa học. Bà V.T.H1, sinh năm 1982 là con ruột của ông H4 với bà Đ.T.H2. Năm

2011, bà H1 lập hồ sơ để hưởng chế độ ưu đãi là con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

Về hồ sơ bà V.T.H1 gồm có: Bản khai cá nhân ngày 20/10/2011; Sổ khám bệnh của bà H1; Giấy chứng nhận ông V.N.H4 hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Quyết định số 230/QĐ-LĐTBXH ngày 23/11/2009 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M về trợ cấp cho ông V.N.H4 tham gia hoạt động kháng chiến; Sổ hộ khẩu gia đình ông V.N.H4 lập năm 2009; Biên bản họp ngày 15/11/2011 xét đề nghị hưởng chế độ người hoạt động kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam; Theo qui định tại điểm b mục 1.2 mục 1 phần I Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009, thì trường hợp bà H1 là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nên không thực hiện việc giám định sức khỏe, mà căn cứ tình trạng dị dạng, dị tật thực tế để xét trợ cấp. Qua khám thực tế ngày 20/10/2011 của Trạm y tế phường Hiệp Thành cấp Giấy chứng nhận về tình trạng bệnh tật, dị dạng của bà V.T.H1 bị “*rối loạn tâm thần thể nhẹ*”, Biên bản họp xét xác định dị dạng, dị tật của bà H1 theo loại: “*biểu hiện rối loạn tâm thần, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt*”. Như vậy, về hồ sơ hưởng chế độ hỗ trợ ưu đãi của bà H1 được thực hiện đúng theo qui định tại phần I Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 sửa đổi, bổ sung mục VII Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công cách mạng. Vì, “rối loạn tâm thần” là một bệnh, dị tật, dị dạng có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học/dioxin được qui định trong Danh mục tại Điều 1 Quyết định số 09/2008/QĐ-BYT ngày 20/02/2008 của Bộ Y tế. Trên cơ sở thành phần hồ sơ đầy đủ nêu trên, ngày 10/12/2011 Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M ban hành Quyết định số 3135/QĐ-LĐTBXH về trợ cấp hàng tháng đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học cho bà V.T.H1 là đúng pháp luật.

Ngày 24/5/2022, Đoàn thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tiến hành kiểm tra lập Biên bản làm việc với bà V.T.H1 nội dung: “Về tình trạng dị dạng, dị tật bẩm sinh: *Miệng thường thường bị méo*; - học vấn: *12/12, học trung cấp kế toán năm 2001 tại Trường cao đẳng Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh*; - nghề nghiệp, khả năng lao động: *trước làm kế toán, hiện nay không làm gì, ở nhà*; - về gia đình: *có chồng và 02 con*; nội dung khác: *chồng làm xây dựng ở xa, ở cùng bố mẹ*”. Đồng thời, qua xác minh tại Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đ thể hiện: “*bà H1 tham gia BHXH, BHYT với mã 6809000973: từ*

tháng 7/2009 đến tháng 3/2011 tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại Công ty TNHH du lịch bảo vệ S - L, địa chỉ Công ty: 98A đường T, Phường S, thành phố L. Trong đó từ tháng 12/2010 đến 03/2011 nghỉ thai sản”.

Văn bản số 163/KL-TTr ngày 30/6/2022 của Đoàn Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội kết luận về bà H1: Không đủ điều kiện hưởng chế độ, vì lý do không bị dị dạng, dị tật hoặc bị dị tật nhẹ có khả năng lao động và đề nghị ban hành Quyết định chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi và thu hồi chế độ ưu đãi đã nhận nộp Ngân sách Nhà nước. Xét thấy:

[2.1]. Phần nội dung trong Kết luận thanh tra số 163/KL-TTr về bà H1 không đủ điều kiện hưởng chế độ là trái quy định tại phần I Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 sửa đổi, bổ sung mục VII Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, dẫn đến yêu cầu truy thu tiền trợ cấp ưu đãi bà H1 nhận từ năm 2011 đến 2022 là trái pháp luật.

[2.2]. Riêng việc yêu cầu ngừng trợ cấp ưu đãi thì thấy rằng: Tại thời điểm lập hồ sơ trợ cấp ưu đãi cho bà H1, thì phần giám định dị dạng, dị tật theo quy định tại điểm b mục 1.2 mục 1 phần I Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 là không bắt buộc, mà *“căn cứ tình trạng dị dạng, dị tật thực tế để xét trợ cấp”*. Căn cứ hồ sơ xét trợ cấp ưu đãi, thì bà H1 bị dạng, dị tật, thuộc thể loại *“rối loạn tâm thần”*, đây là một trong 17 bệnh, dị dạng, dị tật theo danh mục quy định tại Điều 1 Quyết định số 09/2008/QĐ-BYT ngày 20/02/2008 của Bộ y tế, nên qua làm việc trực tiếp ngày 24/5/2022 ghi nhận: *Miệng thường thường bị méo; học trung cấp kế toán năm 2001 tại Trường cao đẳng Giao thông Vận tải Thành phố M; trước làm kế toán, hiện nay không làm gì, ở nhà; có chồng và 02 con; chồng làm xây dựng ở xa, ở cùng bố mẹ”* để xác định bà H1 không đủ điều kiện để tiếp tục cho hưởng là không có căn cứ, vì không có cơ sở xác định bà H1 đã hết bệnh *“rối loạn tâm thần”* hay chưa.

Từ những phân tích tại mục [2.1] và [2.2], thấy Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M về đình chỉ trợ cấp và thu hồi tiền đã nhận là không có căn cứ. Nên cần chấp yêu cầu khởi kiện của bà V.T.H1, hủy Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố M).

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4]. Nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có một phần phù hợp với tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật và tranh tụng tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, còn một phần không chấp nhận như nhận định phân tích nêu trên.

[5]. Nội dung đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện tại phiên tòa không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được tranh tụng tại phiên tòa và quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[6]. Mặt dù, Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố M) ban hành trên cơ sở Kết luận số 163/KL-TTr ngày 30/6/2022 của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã Hội, nhưng Kết luận này là văn bản mang tính chất nội bộ của Cơ quan hành chính, nên không phải là Quyết định hành chính thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3 Luật Tổ tụng Hành chính 2015, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đưa cơ quan ban hành Kết luận vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 204, khoản 1 Điều 206, Điều 211, khoản 1 Điều 213 Luật Tổ tụng Hành chính 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà V.T.H1: Hủy Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố M (nay là Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố M) về đình chỉ trợ cấp hàng tháng và thu hồi 106.453.000 đồng tiền trợ cấp cho bà H1 nhận từ ngày 01/12/2011 đến 31/8/2022.

Quyền lợi, chế độ của bà V.T.H1 được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả cho bà V.T.H1 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0041405 ngày 02/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt khi Tòa tuyên án mà không có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng